

Bản án số: 32/2026/DSST

Ngày 07/4/2026

V/v “*Tranh chấp hợp đồng
dân sự tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3, TỈNH AN GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Danh Phạm Ngọc Khánh**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Văn Kiện**
2. Ông **Trần Hải Đăng**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Chí Thăng** - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 3, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông **Lê Hoàng Anh** - Kiểm Sát viên.

Ngày 07 tháng 4 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 83/2025/TLST-DS ngày 20 04 tháng 11 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2026/QĐXXST-DS, ngày 03 tháng 3 năm 2026, quyết định hoãn phiên tòa số 22/2026/QĐST-DS ngày 19 tháng 3 năm 2026 giữa:

- Nguyên đơn: Ông **Huỳnh Công Tr**, sinh năm 1983

Địa chỉ: ấp MT, xã UMT, tỉnh A

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn B**, sinh năm 1972

Địa chỉ: ấp MT, xã CT, tỉnh A

- Người làm chứng: Bà **Trần Thị Kim T**, sinh năm 1992

Địa chỉ: 713 đường 30/4 khu phố 3, phường R, tỉnh A

(Ông Tr có mặt tại phiên tòa, ông B đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, Bà T có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Huỳnh Công Tr trình bày:**

Ông Huỳnh Công Tr quen biết ông Nguyễn Văn B là người chuyên làm giấy tờ đất

và môi giới mua bán đất, ông Tr cũng có nhờ ông B làm giấy tờ đất nên tin tưởng nhau. Do đó vào trước ngày 11/10/2024 ông B có hỏi mượn ông Tr số tiền 110.000.000 đồng, ông Tr đồng ý nhưng không có làm biên nhận nợ, đến ngày 11/10/2024 thì ông B mượn thêm 30.000.000 đồng và giữa hai bên có làm biên nhận mượn tiền, ông B ký tên vào Biên nhận mượn tiền đề ngày 11/10/2024. Đồng thời vào ngày này thì có người làm chứng là bà Trần Thị Kim T (là người chuyên làm giấy tờ đất) chứng kiến sự việc ông Tr cho ông B mượn tiền. Khi mượn tiền của ông Tr thì ông B nói mượn đến ngày 11/11/2024 sẽ trả tiền gốc và trả luôn tiền lãi nhưng hai bên không có thoả thuận cụ thể tính lãi bao nhiêu %. Trong quá trình từ ngày mượn tiền đến nay thì ông B đã trả cho ông Tr được 28.500.000 đồng, còn nợ lại số tiền 111.500.000 đồng. Khi đến hạn trả nợ thì ông Tr có gọi điện cho ông B nhưng ông B cứ kéo dài thời gian mà không chịu trả tiền cho ông Tr. Do đó ông Tr đã yêu cầu Ban lãnh đạo ấp MT, xã CT, tỉnh A và Ban lãnh đạo ấp Minh Tân hoà giải ngày 07/3/2025 thì ông B thống nhất đến ngày 07/7/2025 sẽ thanh toán đủ số tiền còn nợ là 111.500.000 đồng, tuy nhiên đến nay đã quá thời hạn thoả thuận mà ông B vẫn chưa chịu trả tiền cho ông Tr như thoả thuận tại buổi hoà giải. Tuy nhiên do nhầm lẫn nên ông Tr làm đơn khởi kiện yêu cầu ông B trả số tiền 140.000.000 đồng, nhưng ông B đã trả cho ông Tr được 28.500.000 đồng, do đó ông B còn nợ lại số tiền 111.500.000 đồng. Nên ông Tr xin rút lại yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 28.500.000 đồng.

Tại phiên toà, nguyên đơn ông Huỳnh Công Tr yêu cầu ông Nguyễn Văn B phải có trách nhiệm trả lại cho ông Tr số tiền vay còn nợ là 111.500.000đ (Một trăm mười một triệu năm trăm ngàn đồng) trong một lần và không yêu cầu tính lãi.

**** Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Văn B đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không lý do và không có văn bản trình bày ý kiến.***

**** Tại biên bản lấy lời khai ngày 02/3/2026, người làm chứng bà Trần Thị Kim T trình bày:***

Vào ngày 11/10/2024 tại quán cà phê (không nhớ tên) ở gần cầu 3/2 ở phường Rạch Giá, tỉnh An Giang; bà Trần Thị Kim T có chứng kiến sự việc ông Nguyễn Văn B mượn tiền của ông Huỳnh Công Tr số tiền là 110.000.000đ (Một trăm mười triệu đồng). Ông B đã tự ghi biên nhận mượn tiền và ký tên vào biên nhận mượn tiền đề ngày 11/10/2024, hai bên không có thoả thuận tiền lãi vì ông B nói là chỉ mượn trong 03 ngày trả lại tiền nhưng trên biên nhận thì ghi đến ngày 11/11/2024 sẽ trả lại tiền mượn cho ông Tr.

Tại thời điểm ngày 11/10/2024 thì giữa ông B và ông Tr thoả thuận là ông Tr cho

ông B mượn tiền là 110.000.000đ nhưng khi vừa ký tên xong thì ông B mượn thêm 30.000.000đ nữa nên ông B tự ghi cộng thêm 30.000.000đ vào trong biên nhận. Do đó tổng cộng số tiền mà ông B mượn của ông Tr là 140.000.000đ, sau đó thì ông B có trả cho ông Tr được nhiều lần tổng cộng là 28.500.000đ, còn nợ lại 111.500.000đ (Một trăm mười một triệu năm trăm ngàn đồng). bà Trần Thị Kim T biết việc ông B trả tiền cho ông Tr được 28.500.000đ là vì có mấy lần ông B nhờ bà Trần Thị Kim T chuyển khoản trả cho ông Tr. Bà T xin vắng mặt tại phiên toà do bận công việc.

**** Tại iên bản xác minh Ban lãnh đạo ấp MT, xã CT, tỉnh A ngày 04/11/2025, đại diện Ban lãnh đạo ấp Minh Tân xác định:***

Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1972 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp MT, xã CT, tỉnh A và hiện vẫn có mặt ở địa phương nhưng sáng đi làm đến tối mới về nhà.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 – An Giang phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án:***

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký thực hiện đúng quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Về thời hạn chuẩn bị xét xử là đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 91, Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử: Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Công Tr đối với số tiền 28.500.000đ. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Công Tr buộc ông Nguyễn Văn B phải có trách nhiệm trả cho ông Huỳnh Công Tr số tiền 111.500.000 đồng trong một lần. Về tiền lãi: Do nguyên đơn ông Huỳnh Công Tr xác định không yêu cầu tính lãi nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: buộc bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật do yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật và nghị án, Tòa án nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về thẩm quyền*: Nguyên đơn ông Huỳnh Công Tr yêu cầu bị đơn ông Nguyễn Văn B trả lại số tiền 111.500.000 đồng và không yêu cầu tính lãi; nên quan hệ tranh chấp trong vụ án này là “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*”. Đồng thời bị đơn ông Nguyễn Văn B có nơi cư trú tại ấp MT, xã CT, tỉnh A nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3, tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] *Về sự có mặt của đương sự*:

Toà án đã niêm yết đầy đủ các thủ tục tố tụng tại nơi cư trú của bị đơn ông Nguyễn Văn B nhưng ông B vẫn vắng mặt không lý do. Do đó Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Đối với người làm chứng trong vụ án là bà Trần Thị Kim T có đơn xin xét xử vắng mặt và nhưng người làm chứng đã có lời khai trong hồ sơ nên việc vắng mặt của những người làm chứng không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án, vì vậy Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà Trần Thị Kim T là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn ông Huỳnh Công Tr rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 28.500.000 đồng và đây là sự tự nguyện của nguyên đơn do đó Hội đồng xét xử xét thấy cần đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 28.500.000 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] *Về nội dung*: Nguyên đơn ông Huỳnh Công Tr yêu cầu ông Nguyễn Văn B phải có trách nhiệm trả cho ông Tr số tiền 111.500.000 đồng (Một trăm mười một triệu năm trăm ngàn đồng) và không yêu cầu tính lãi.

Hội đồng xét xử xét: Dựa trên tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp gồm: *biên nhận mượn tiền đề ngày 11/10/2024* (viết tay) có chữ ký của ông Nguyễn Văn B với nội dung thể hiện việc ông B có mượn ông Tr số tiền 140.000.000 đồng, *biên bản hoà giải của Ban lãnh đạo ấp Minh Tân, xã Giục Tượng, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang ngày 07/3/2025* (nay là *ấp MT, xã CT, tỉnh A*) thể hiện việc ông B thừa nhận có mượn của ông Tr 140.000.000 đồng nhưng đã trả được 28.500.000 đồng, ông B còn nợ lại ông Tr số tiền 111.500.000 đồng. Đồng thời lời trình bày của người làm chứng bà Trần Thị Kim T cũng xác định ông B còn nợ ông Tr số tiền 111.500.000 đồng. Đối với ông B mặc dù Toà án đã tổng đạt hợp lệ: *Thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải, Quyết định cung cấp tài liệu chứng cứ* cho ông B nhưng ông B vẫn vắng mặt không lý do

mà không có văn bản trình bày ý kiến hay yêu cầu gì, không cung cấp tài liệu chứng cứ gì. Do đó xem như bị đơn từ bỏ quyền lợi và nghĩa vụ của mình nên đây là tình tiết sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 91, Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Như vậy, với những tài liệu chứng cứ nêu trên đã có đủ cơ sở để xác định ông B còn nợ ông Tr số tiền 111.500.000 đồng.

Về tiền lãi: Do nguyên đơn ông Tr không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận để xem xét.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Công Tr.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn ông Huỳnh Công Tr được chấp nhận nên buộc bị đơn ông Nguyễn Văn B phải chịu án phí theo quy định của pháp luật với số tiền là 5.575.000đ (Năm triệu năm trăm bảy mươi lăm ngàn đồng). Nguyên đơn ông Huỳnh Công Tr không phải chịu án phí và được nhận lại 3.500.000đ (Ba triệu năm trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005030 ngày 20/10/2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3, tỉnh An Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 229, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Công Tr.

Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn B phải trả cho nguyên đơn ông Huỳnh Công Tr số tiền tổng cộng là 111.500.000đ (Một trăm mười một triệu năm trăm ngàn đồng).

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 28.500.000đ (Hai mươi tám triệu năm trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị đơn không trả dứt điểm số tiền nêu trên cho nguyên đơn thì hàng tháng còn phải trả cho nguyên đơn

thêm một khoản tiền lãi tính theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Địa điểm giao nhận tiền tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 3, tỉnh An Giang.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn B phải chịu án phí theo quy định của pháp luật với số tiền là 5.575.000đ (Năm triệu năm trăm bảy mươi lăm ngàn đồng).

Nguyên đơn ông Huỳnh Công Tr không phải chịu án phí và được nhận lại 3.500.000đ (Ba triệu năm trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005030 ngày 20/10/2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3, tỉnh An Giang.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND Khu vực 3;
- THADS tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Danh Phạm Ngọc Khánh